

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ KTS DIAMOND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ KTS DIAMOND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIAMOND KTS TECHNOLOGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109749774

3. Ngày thành lập: 21/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 23, ngõ 140, đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968651388

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209(Chính)
2.	Lập trình máy vi tính	6201
3.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: Tư vấn cài đặt, sử dụng máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, xử lý dữ liệu	6202
4.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Công nghệ truy cập internet; - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động - Dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng	6190
5.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
6.	Cổng thông tin Chi tiết: Trang thông tin điện tử trên Internet, mạng xã hội trực tuyến, ngoại trừ trang thông tin điện tử tổng hợp trên báo chí, phương tiện truyền thông, báo điện tử	6312
7.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
8.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

9.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: + Dịch vụ môi giới bất động sản + Dịch vụ tư vấn bất động sản + Dịch vụ quản lý bất động sản + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
10.	Đại lý du lịch	7911
11.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế	7912
12.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
13.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
14.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
15.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
16.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
17.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
18.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
19.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
20.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
21.	Bán mô tô, xe máy	4541
22.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
23.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
24.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
25.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
28.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4932

29.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
30.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
31.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản	0899
32.	Chuẩn bị mặt bằng (không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)	4312
33.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
34.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
35.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
36.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
37.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
38.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
39.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
40.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
41.	Thu gom rác thải độc hại	3812
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
43.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Trừ loại Nhà nước cấm)	3822
44.	Xây dựng nhà để ở	4101
45.	Tái chế phế liệu (Trừ loại Nhà nước cấm)	3830
46.	Xây dựng nhà không để ở	4102
47.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
48.	Bán buôn đồ uống	4633
49.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
50.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
51.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
52.	Xây dựng công trình điện	4221

53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: máy bơm nước; máy nước nóng dùng năng lượng mặt trời; máy lọc nước và thiết bị lọc nước.	4659
54.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
55.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
56.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
57.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);	5630
58.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
59.	Xây dựng công trình thủy	4291
60.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
61.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
62.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
63.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh	8299
65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
67.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
68.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
69.	Sản xuất giày, dép	1520

70.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý và môi giới (không bao gồm môi giới: bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: - Dịch vụ bơm và tháo nước - Hoạt động khoan thử và đào thử - Hoạt động dịch vụ khai thác như các thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò; (không bao gồm khảo sát địa chất, khảo sát địa hình)	0990
72.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
73.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng;	2819
74.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động chữa bệnh bằng phương pháp vật lý trị liệu	8699
75.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
76.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
77.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn các loại vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	4663
78.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
79.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ các loại vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	4752
80.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310

81.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
82.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của các tòa nhà, thử độ ẩm, thử nước, chôn chân trụ, uốn thép, xây gạch, đặt đá, lợp mái bap phủ tào nhà, dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng bề mặt, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; các công việc dưới bề mặt; xây dựng bể bơi ngoài trời	4390
83.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
84.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
85.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
86.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
87.	Cho thuê xe có động cơ	7710
88.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
89.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
90.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ loại Nhà nước cấm)	4662
91.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
92.	Phá dỡ (không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)	4311
93.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 99.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 9.900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI TIẾN TUẤN	Số 243, tổ 19, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.277.0 00	22.770.000.000	23,000	0340670000 26	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.277.0 00	22.770.000.000	23,000		
2	NGUYỄN VĂN MẠNH	thôn Du Nội, Xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.782.0 00	17.820.000.000	18,000	012405108	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.782.0 00	17.820.000.000	18,000		

3	PHẠM VĂN HÀ	Số 90, ngõ 58A, phố Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	792.000	7.920.000.000	8,000	038080000203
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	792.000	7.920.000.000	8,000	
4	PHẠM THỊ TÁM	Số 23, ngõ 243, tổ 8, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	034169004449
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.782.000	17.820.000.000	18,000	
			Cổ phần phổ thông	1.782.000	17.820.000.000	18,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
5	HOÀNG VĂN NGỌC	Số 39 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.485.000	14.850.000.000	15,000	B6400920
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Tổng số	1.485.000	14.850.000.000	15,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	

6	LÊ MINH ĐIỀN	Số 58, ngõ 58, phố Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.782.0 00	17.820.000.000	18,000	0360600011 52	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.782.0 00	17.820.000.000	18,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 012405108

Ngày cấp: 04/05/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: thôn Du Nội, Xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: thôn Du Nội, Xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội